

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Bửu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thanh Thúy

2. Bà Trương Thị Xuân Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Tuyết H, sinh năm 1979;

2. Bị đơn: Anh Trương Hữu N, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ ĐKKHKT: Số A, Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng nơi ở hiện nay: Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Tuyết H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Tuyết H và anh Trương Hữu N thông qua mai mối rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1999 và bắt đầu chung sống với nhau. Ngày 29/11/2002, anh chị được Ủy ban nhân dân xã T, C, Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do chị **H** biết anh **N** có quan hệ tình cảm nam nữ với người khác, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh **N** không thay đổi, còn dùng lời lẽ khó nghe xúc phạm danh dự chị nên cả hai đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Ngoài ra, quá trình chung sống anh **N** không cùng chị xây dựng kinh tế gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Từ đó, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt, mâu thuẫn trở nên gay gắt không thể nào hàn gắn được nên chị **Trần Tuyết H** yêu cầu ly hôn với anh **Trương Hữu N**.

- Về con chung: Có hai con chung tên **Trương Thảo N1**, sinh ngày 01/5/2001 và **Trương Thảo N2**, sinh ngày 02/5/2007, hiện cháu **N2** đang sống chung với chị **H**. Chị **H** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N2** sau khi ly hôn, không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con

Đối với **Trương Thảo N1** hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lao động sinh sống được nên chị **H** không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh **Trương Hữu N** để làm việc và hòa giải nhưng anh **N** đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, anh **N** tiếp tục vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không nộp tài liệu, chứng cứ.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Trần Tuyết H** về việc xin ly hôn anh **Trương Hữu N**. Về con: Giao **Trương Thảo N2**, sinh năm 02/5/2007 cho chị **H** nuôi dưỡng, anh **N** không cấp dưỡng nuôi con do chị **H** không có yêu cầu. Đối với **Trương Thảo N1** hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên đương sự không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Tuyết H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Hữu N hiện sinh sống tại tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nơi bị đơn cư trú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn trong vụ án: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Hữu N tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu ly hôn anh N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Trần Tuyết H và anh Trương Hữu N chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2002 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chung sống không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn xảy ra liên tục, chị H cho rằng anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Ngoài ra, anh N không có trách nhiệm với vợ con, không cùng chị chia sẻ gánh nặng kinh tế gia đình. Cho nên, chị H và anh N đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể nào hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu ly hôn anh N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Mặt khác, thời gian ly thân anh N không có biện pháp xử lý mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh những người sinh sống gần nhà chị H, anh N (Tổ 10, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp) cho biết anh N có đang sinh sống tại nhà, sáng rời khỏi nhà nhưng về khi nào thì không biết rõ thời gian. Đồng thời, công an xã T cũng xác nhận anh N hiện có mặt tại địa phương và sinh sống tại tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, tại các lần Tòa án mời làm việc, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt không lý do, cho thấy anh N hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn tình cảm cùng với chị H.

[2.2] Về con chung: Có hai con chung tên Trương Thảo N1, sinh ngày 01/5/2001 và Trương Thảo N2, sinh ngày 02/5/2007.

Do Trương Thảo N2 sống chung với chị H từ nhỏ do chị chăm sóc trực tiếp, nhằm tránh thay đổi môi trường sống, học tập của cháu nên giao Trương Thảo N2 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu. Đồng thời, quá trình giải quyết cháu Trương Thảo N2 cũng có nguyện vọng muốn sống với chị H sau khi cha mẹ ly hôn.

Đối với Trương Thảo N1 hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên đương sự không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị **H** phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Tuyết H.**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Tuyết H.** Chị **Trần Tuyết H** được ly hôn với anh **Trương Hữu N.**

2. *Về con chung:* Giao con chung là **Trương Thảo N2**, sinh ngày 02/5/2007 cho chị **Trần Tuyết H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị **H** không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Trương Hữu N** có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Đối với **Trương Thảo N1** hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên đương sự không có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. *Về án phí:* Chị **Trần Tuyết H** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015429 ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị **Trần Tuyết H** đã nộp xong.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh (1);
- VKSND Huyện (1);
- THADS Huyện (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Bửu Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

